



# KHUNG QUẢN TRỊ CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC KHU VỰC ASEAN

Ấn bản lần thứ nhất



## KHUNG QUẢN TRỊ CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC KHU VỰC ASEAN

Ấn bản lần thứ nhất

© IESR 2014

### VIỆN CẢI CÁCH CÁC DỊCH VỤ THIẾT YẾU (IESR)

Jl. Mampang Prapatan VIII, Komp. Bappenas No. R-13

Jakarta, 12790, Indonesia

T: +62-21- 7992945

F: +62-21- 7996160

E: [iesr@iesr.or.id](mailto:iesr@iesr.or.id)

Website: [www.iesr.or.id](http://www.iesr.or.id)

Bản dịch tiếng Việt được thực hiện bởi Hội Địa chất Kinh tế và các tổ chức thành viên Liên minh Khoáng sản. Các lỗi, sai sót về mặt ngôn ngữ và nội dung tiếng Việt, nếu có, thuộc trách nhiệm của Hội Địa chất Kinh tế.

Bản in tài liệu có tại Văn phòng Hội Địa chất Kinh tế Việt Nam. Quý vị vui lòng truy cập website [www.eiti.vn](http://www.eiti.vn) (tiếng Việt) và [www.resourcegovernance.org](http://www.resourcegovernance.org) (tiếng Anh), chuyên mục Tài liệu để tải phiên bản điện tử.

*Các vấn đề liên quan đến ấn phẩm, xin vui lòng liên hệ:*

#### **Hội Địa chất Kinh tế Việt Nam**

Địa chỉ: Số 6 Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

#### **Liên minh Khoáng sản**

Địa chỉ: Số 24 H2, Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 04 3556-4001. Fax: 04 3556-8941

Emai: [lmks@nature.org.vn](mailto:lmks@nature.org.vn)

VIỆN CẢI CÁCH CÁC DỊCH VỤ THIẾT YẾU

# KHUNG QUẢN TRỊ CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC KHU VỰC ASEAN

Ấn bản lần thứ nhất

© IESR 2014



**VIỆN CẢI CÁCH CÁC DỊCH VỤ THIẾT YẾU**

Jl. Mampang Prapatan VIII, Komp. Bappenas No. R-13  
Jakarta, 12790, Indonesia

T: +62-21-7992945 F: +62-21-7996160 E: [iesr@iesr.or.id](mailto:iesr@iesr.or.id)

Website: [www.iesr.or.id](http://www.iesr.or.id)

# NỘI DUNG

## CÁC KHÍA CẠNH PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA KHUNG QUẢN TRỊ KHU VỰC ASEAN 5

Các căn cứ pháp lý ở khu vực ASEAN 6

Các tiêu chuẩn và nguyên tắc quốc tế 12

## KHUNG CHƯƠNG TRÌNH 15

Bối cảnh chung 16

Khung chi tiết 18

# CÁC KHÍA CẠNH PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA KHUNG QUẢN TRỊ KHU VỰC ASEAN



Khung quản trị công nghiệp khai thác khu vực ASEAN là công cụ thúc đẩy sự phát triển và hội nhập với nền kinh tế toàn cầu của khu vực kinh tế có tính cạnh tranh cao, như Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), theo hướng tôn trọng và tuân thủ pháp luật hiện hành cũng như các quyết định chính thức từ Hội nghị cấp cao, Hội đồng và Ủy ban cấp Bộ trưởng trong khối ASEAN; đồng thời áp dụng các thực hành tốt và tiêu chuẩn quốc tế liên quan trực tiếp đến ngành công nghiệp khai thác. Đây là những cơ sở pháp lý cốt lõi tạo nền tảng thúc đẩy việc áp dụng Khung quản trị này tại các quốc gia thành viên trong khu vực.

## Hành lang pháp lý trong ASEAN

1. **Hiến chương ASEAN** tại Điều 1, khoản 5, 6, 7, 9 đã nêu cụ thể các mục tiêu của ASEAN là xây dựng “một thị trường và khu vực sản xuất thống nhất, ổn định, thịnh vượng, có tính cạnh tranh cao, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại và đầu tư phát triển”, nhưng phải đi cùng với các mục tiêu (i) tăng cường dân chủ, thúc đẩy quản trị tốt và pháp quyền; (ii) bảo vệ và nâng cao quyền con người cũng như các quyền tự do cơ bản khác; (iii) đóng góp cho giảm nghèo và thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN thông qua hỗ trợ và hợp tác chung; (iv) thúc đẩy phát triển bền vững nhằm bảo vệ môi trường khu vực, tính bền vững của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn di sản văn hóa và chất lượng cuộc sống cao của người dân khu vực. Để theo đuổi các mục tiêu trên, Hiến chương đã thiết lập bộ nguyên tắc ở Điều khoản 2.2, gồm: tuân thủ nguyên tắc pháp quyền, quản trị tốt, các nguyên tắc dân chủ và chính phủ hợp hiến; tôn trọng các quyền tự do cơ bản, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, và công bằng xã hội.

2. **Tầm nhìn ASEAN 2020** nhấn mạnh sự cần thiết của việc xây dựng Quan hệ đối tác trong phát triển năng động (Partnership in Dynamic Development) nhằm thúc đẩy hội nhập kinh tế nội khối. Mối quan hệ đối tác bao gồm việc thiết lập mạng lưới trong lĩnh vực năng lượng và điện, khí thiên nhiên và nước sạch; thúc đẩy hợp tác trong sử dụng hiệu quả năng lượng và phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới; nâng cao thương mại và đầu tư trong lĩnh vực khoáng sản ở khu vực ASEAN.

Bên cạnh việc thiết lập các mối quan hệ đối tác phát triển, Tầm nhìn ASEAN 2020 cũng chỉ ra định hướng xây dựng một Cộng đồng của Xã hội Chia sẻ (A Community of Caring Societies). Cộng đồng này được định nghĩa như một khu vực có sự gắn kết về mặt xã hội, trong đó xã hội dân sự được trao quyền, được quản trị bởi các nguyên tắc của công bằng xã hội và pháp quyền, bao gồm các cơ chế cho phát triển bền vững để đảm bảo việc bảo vệ môi trường của khu vực, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Qua đó, thúc đẩy việc thực hiện các nguyên tắc đã được thống nhất và

các giải pháp hợp tác để giải quyết các vấn đề phát sinh ở cấp khu vực, như ô nhiễm và suy thoái môi trường.

3. **Tuyên bố ASEAN về quyền con người (AHRD)** đưa ra khung hợp tác về quyền con người trong khu vực để đóng góp cho quá trình xây dựng cộng đồng ASEAN, bao gồm các quyền dân sự và chính trị cơ bản, các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội. Trong khuôn khổ khung hợp tác này, bản Tuyên bố cũng chỉ rõ quyền phát triển như một quyền bất khả xâm phạm, cho phép mỗi người dân và mỗi quốc gia thành viên ASEAN có quyền được tham gia, đóng góp và thụ hưởng công bằng, bền vững các thành quả phát triển chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế, và điều này cần được thực hiện nhằm đạt được sự phát triển và hài hòa nhu cầu giữa hiện tại và các thế hệ tương lai<sup>1</sup>.

AHRD yêu cầu các quốc gia thành viên ASEAN thực thi các chương trình phát triển cần đáp ứng các nguyên tắc về công bằng giới và hướng đến con người để đạt được mục tiêu xóa đói nghèo và bảo vệ môi trường cho người dân ASEAN. Các nguyên tắc này được thể hiện dưới hình thức các chính sách phát triển cấp quốc gia cũng như thông qua các mối quan hệ kinh tế và hợp tác quốc tế bình đẳng và môi trường kinh tế quốc tế thuận lợi<sup>2</sup>.

4. **Chương trình Hành động Viêng Chăn 2004 (VAP 2004 – 2010)** được xây dựng và thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 10 tổ chức tại Viêng Chăn, Lào vào tháng 11/2004. Chương trình Hành động đưa ra một khung nội dung giúp thống nhất các chiến lược và mục tiêu của ba trụ cột chính trong tiến trình hội nhập ASEAN, gồm: Cộng đồng Kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community - AEC), Cộng đồng An ninh Chính trị ASEAN (ASEAN Political Security Community - APSC) và Cộng đồng văn hóa xã hội ASEAN (ASEAN Socio-Cultural Community - ASCC). Bên cạnh đó, Chương trình cũng đưa ra các kế hoạch hành động cụ thể nhằm hiện thực hóa Tầm nhìn ASEAN 2020. Trong khía cạnh về thương mại hàng hóa, các kế hoạch hành động còn đề cập đến việc xây dựng chính sách cấp khu vực về sử dụng tài nguyên và thương mại, đầu tư khoáng sản trong nội - ngoại khối ASEAN cũng như chính sách về tăng cường sự tham gia và đầu tư của khu vực tư nhân trong thăm dò, phát triển các nguồn tài nguyên khoáng sản, vốn được coi là ưu thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế của các quốc gia khu vực ASEAN. Liên quan đến khía cạnh thương mại dịch vụ, các kế hoạch hành động cũng hướng đến việc cải thiện thể chế một cách toàn diện nhằm tăng cường an ninh và đảm bảo bình ổn trong cung cấp năng lượng, cũng như phát triển năng lượng bền vững thông qua việc mở rộng thị trường cho công nghệ năng lượng tái tạo và các sản phẩm tiết kiệm năng lượng trong khối ASEAN.

1. Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tuyên bố ASEAN về quyền con người, 18 tháng 11 năm 2012, Điều 35.  
2. Ibid, Article 36

Song song với những nội dung nêu trên, Chương trình Hành động cũng phác họa một số hoạt động nhằm nâng cao vai trò của lĩnh vực khai khoáng trong việc thúc đẩy bền vững môi trường thông qua đẩy mạnh hợp tác trong sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản, cụ thể: (i) đẩy mạnh hợp tác trong xây dựng năng lực thể chế và nhân sự để thúc đẩy nghiên cứu, sáng chế và ứng dụng các công nghệ mới và tiên tiến trong phát triển ngành khoáng sản và khoa học địa chất, bao gồm quản lý môi trường, chế biến khoáng sản, phục hồi môi trường và các lĩnh vực liên quan khác; (ii) Thu hút sự tham gia của các Đối tác Đối thoại ASEAN và các tổ chức cấp khu vực và quốc tế để tăng cường phát triển tài nguyên khoáng sản một cách có trách nhiệm, đồng thời nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ và các chương trình hợp tác khác; và (iii) Thực hiện phát triển một ngành khoáng sản có trách nhiệm về mặt xã hội và môi trường ở ASEAN.

5. **Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community (AEC) Blueprint)** được các lãnh đạo ASEAN thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 13 tổ chức tại Singapore vào tháng 11/2007. Kế hoạch đã đưa ra một bản hướng dẫn cho các quốc gia thành viên nhằm xây dựng một thị trường và khu vực sản xuất thống nhất thông qua thúc đẩy tự do đầu tư, trong ngành năng lượng, công nghiệp khai thác cũng như các ngành dịch vụ đi kèm, theo Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA). ACIA được ra đời với mục tiêu tăng cường bảo vệ quyền lợi của tất cả các nhà đầu

tư và dự án đầu tư, đảm bảo xây dựng các chính sách, thủ tục, quy định và thủ tục đầu tư theo hướng minh bạch, nhất quán và dễ dự báo; qua đó, thúc đẩy ASEAN trở thành một khu vực đầu tư và mạng lưới sản xuất tổng hợp.

Ngoài mục tiêu mở rộng thị trường và khu vực sản xuất. Kế hoạch tổng thể AEC cũng đưa ra hướng dẫn để phát triển ASEAN trở thành một khu vực kinh tế cạnh tranh thông qua các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng trong lĩnh vực khoáng sản và năng lượng; đặc biệt chú trọng mở rộng thương mại, đầu tư, tăng cường hợp tác và nâng cao năng lực trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản để phát triển ngành công nghiệp khai khoáng một cách bền vững về mặt xã hội và môi trường. Cùng với đó, Kế hoạch cũng khuyến khích các quốc gia trong khu vực hội nhập chặt chẽ hơn với nền kinh tế toàn cầu thông qua tăng cường tham gia vào mạng lưới cung ứng sản phẩm và áp dụng các thực hành tốt và tiêu chuẩn quốc tế trong sản xuất và phân phối, nếu điều kiện cho phép.

6. **Bản ghi nhớ cấp Bộ trưởng về Hợp tác ASEAN trong lĩnh vực khoáng sản** được thống nhất tại Kỳ họp cấp Bộ trưởng ASEAN lần thứ nhất về khoáng sản (AMMIN) ở Kuching, Sarawak, Malaysia vào năm 2005. Thỏa thuận đã đưa ra các mục tiêu chính để phát triển lĩnh vực khoáng sản và xem nó như động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và xã hội trong khu vực, giúp ASEAN tăng cường thương mại, đầu tư trong lĩnh vực khoáng sản, thúc đẩy phát triển một ngành công nghiệp khai khoáng có trách nhiệm về mặt



môi trường, xã hội cũng như sử dụng hợp lý và bền vững tài nguyên. Bản ghi nhớ đánh dấu một bước khởi đầu mới trong hợp tác phát triển giữa các quốc gia thành viên ASEAN trong ngành công nghiệp khai khoáng dù cho những khác biệt rất lớn về mức độ giàu có tài nguyên khoáng sản, tình hình sử dụng cũng như năng lực quản lý giữa các quốc gia. Bản ghi nhớ cũng đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết của việc hỗ trợ và thúc đẩy các sáng kiến, thực hành tốt nhằm phát triển bền vững nguồn tài nguyên khoáng sản cũng như khả năng đương đầu với các thách thức và cạnh tranh xuất phát từ việc gia tăng nhu cầu khoáng sản trên toàn cầu. Ngoài ra, Bản ghi nhớ cũng xác định một số các khía cạnh chính mà các quốc gia thành viên đề xuất cần hợp tác dựa trên nguyên tắc bình đẳng và vì lợi ích chung, bao gồm:

- Trao đổi thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu khoáng sản ASEAN;
- Tăng cường, thúc đẩy đầu tư trong và ngoài khu vực ASEAN;
- Tăng cường quản lý và phát triển khoáng sản có trách nhiệm về môi trường và xã hội;
- Tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân và thúc đẩy các mô hình hợp tác công – tư trong các chương trình, dự án, hoạt động liên quan đến khoáng sản trong ASEAN;
- Tăng cường hợp tác với các quốc gia Đối tác Đối thoại ASEAN và các tổ chức liên quan trong khu vực và quốc tế nhằm đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ trong lĩnh vực địa chất khoáng sản cũng như các chương trình hợp tác về chuyển giao công nghệ;

- Phối hợp xây dựng các chương trình và chính sách trong lĩnh vực khoáng sản;
- Chia sẻ kỹ thuật, kinh nghiệm và các bài học thực hành tốt;
- Tăng cường hợp tác và trao đổi về phương pháp việc giải quyết các vấn đề quốc tế, khu vực cùng các mối quan tâm chung khác.

7. **Tuyên bố Manila về tăng cường hợp tác khoáng sản ASEAN** được thông qua tại Kỳ họp cấp Bộ trưởng ASEAN về khoáng sản lần thứ 2 vào tháng 10/2008 tổ chức tại Manila, Phillippines. Bản Tuyên bố khẳng định sự hợp tác chặt chẽ trong lĩnh vực khoáng sản như một động lực mạnh mẽ thúc đẩy tiến trình xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2015, đồng thời đề xuất một số phương hướng chính sách cơ bản, bao gồm:

- Cần tiếp tục sử dụng và phát triển tài nguyên khoáng sản của các quốc gia thành viên ASEAN để đảm bảo tính bền vững, tối đa hóa lợi ích cho cộng đồng, cũng như lợi ích kinh tế quốc gia; đồng thời đảm bảo khả năng ứng phó hiệu quả với các biến động kinh tế và tài chính toàn cầu;
- Tăng cường hợp tác nhằm thúc đẩy đầu tư, thương mại trong lĩnh vực khoáng sản thông qua việc hài hòa các chính sách về khoáng sản, ưu đãi, hệ thống thuế và chuẩn hóa các thông tin về tài nguyên khoáng sản cũng như xây dựng hệ thống thông tin về khoáng sản và thương mại thống nhất giữa các quốc gia;
- Phối hợp xây dựng các hướng dẫn chính sách và tiêu chuẩn về Thực hành khoáng sản tốt khu vực ASEAN

nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp khai khoáng khu vực bền vững về mặt môi trường và xã hội;

- Xây dựng các chương trình tăng cường năng lực và thể chế trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản nhằm giải quyết nhu cầu hiện tại và tương lai của ngành công nghiệp khai khoáng và nền kinh tế ASEAN;
- Thúc đẩy các diễn đàn đối thoại với sự tham gia hiệu quả hơn của khu vực tư nhân và các Đối tác Đối thoại ASEAN trong các hoạt động hợp tác khoáng sản vì lợi ích chung nhằm hỗ trợ tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN;
- Phối hợp trong phát triển khoáng sản cấp quốc tế và khu vực.

8. Nhằm nâng cao đóng góp của lĩnh vực khoáng sản trong tiến trình xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và tiếp nối các nội dung trong Tuyên bố Hà Nội về Kết nối ASEAN bền vững trong lĩnh vực khoáng sản, Kỳ họp Bộ trưởng ASEAN về Khoáng sản lần thứ 3 (AMMIN) tổ chức tại Hà Nội, Việt Nam vào tháng 12/2011 đã ban hành **Kế hoạch Hành động Hợp tác ASEAN về khoáng sản (AMCAP) 2011 – 2015** với chủ đề “Những sáng kiến trong lĩnh vực khoáng sản vì một ASEAN thịnh vượng”. Nội dung AMCAP 2011 – 2015 tập trung vào các chiến lược: (i) Thúc đẩy chia sẻ thông tin, tăng cường thương mại và đầu tư, (ii) Tăng cường phát triển khoáng sản một cách bền vững về mặt xã hội và môi trường, (iii) Tăng cường năng lực và thể chế trong lĩnh vực khai khoáng khu vực ASEAN. Tại Kỳ họp này, các Bộ trưởng cũng đã ghi nhận Sáng kiến Minh bạch trong

Công nghiệp Khai thác (Extractive Industry Transparency Initiative - EITI) là tiêu chuẩn thực hành tốt nhất của quốc tế về minh bạch nguồn thu trong lĩnh vực khoáng sản và thống nhất đưa EITI vào chương trình tăng cường năng lực trong AMCAP 2011 – 2015.

9. **Hiệp định về Hợp tác năng lượng ASEAN** được thống nhất bởi các Bộ trưởng Năng lượng ASEAN tại một phiên họp ở Manila, Philippines vào tháng 7/1986. Hiệp định đã đặt nền móng cho sự hợp tác trong lĩnh vực năng lượng của ASEAN, bao gồm việc phát triển hiệu quả và sử dụng các dạng năng lượng dưới mọi hình thức, thương mại, phi thương mại, tái tạo hay không tái tạo. Ngoài ra, Hiệp định cũng đề cập vấn đề về quy hoạch, phát triển, đào tạo nguồn nhân lực, trao đổi thông tin, hiệu quả, bảo tồn, cung ứng, thải bỏ và một số nội dung khác. Hiện bản Hiệp định đã được cập nhật thông qua việc sửa đổi, bổ sung trong một số nghị định thư và các kế hoạch hành động liên quan.

10. Nhằm nâng cao đóng góp của ngành năng lượng vào việc xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN và tiếp nối các sáng kiến, thỏa thuận trước đó, **Kế hoạch Hành động ASEAN về Hợp tác năng lượng (APAEC) 2010 – 2015** đã được thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng Năng lượng ASEAN vào ngày 29/7/2009 tại Mandalay, Myanmar. Kế hoạch APAEC đã thiết lập cơ sở cho hợp tác ASEAN trong lĩnh vực năng lượng giai đoạn 2010 – 2015 với chủ đề “Kết nối từ chính sách đến hành động: Hướng tới cộng đồng năng lượng ASEAN sạch hơn, hiệu quả hơn và bền vững hơn”. Bên cạnh đó, Kế hoạch APAEC cũng đưa ra các chiến lược nhằm đạt mục tiêu tăng cường an ninh năng lượng và bền vững cho khu vực ASEAN, bao gồm sức khỏe, an toàn và môi trường thông qua việc thực hiện các kế hoạch hành động (bao gồm nhưng không giới hạn): a) Mạng lưới điện ASEAN, b) Hệ thống đường ống dẫn khí giữa các nước Đông Nam Á, c) Than và công nghệ than sạch, d) Năng lượng tái tạo, e) Hiệu quả năng lượng và bảo tồn, f) Chính sách và kế hoạch năng lượng khu vực và g) Năng lượng hạt nhân dân sự.

## Các tiêu chuẩn và nguyên tắc được áp dụng toàn cầu

Khung quản trị hiện tại thừa nhận các nỗ lực trong quá khứ và hiện tại ở cấp quốc tế để giải quyết các tác động môi trường và xã hội từ các hoạt động kinh tế. Các nỗ lực ấy thể hiện qua các sáng kiến toàn cầu mà mỗi sáng kiến thường nhấn mạnh vào một vài nguyên tắc chung, dựa trên quyền và cách tiếp cận bền vững để phục vụ phát triển. Trong đó, rất nhiều nguyên tắc đã được đưa vào các hiệp ước quốc tế, các tiêu chuẩn và nguyên tắc tự nguyện về thực hành tốt cùng các sáng kiến đa bên như Hiệp ước Toàn cầu của Liên hiệp quốc<sup>3</sup>, Sáng kiến Minh bạch trong Công nghiệp khai thác (EITI)<sup>4</sup> và Nguyên tắc Xích đạo<sup>5</sup>. Những sáng kiến này là nền tảng quan trọng cho quá trình xây dựng các tiêu chuẩn với sự tham gia của các bên liên quan, và đây cũng chính là lý do chúng được đưa vào Khung quản trị khu vực. Những nguyên tắc và tiêu chuẩn chính sẽ được trình bày dưới đây:

- *Phát triển bền vững* là sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại nhưng không làm tổn hại đến cơ hội của các thế hệ tương lai trong việc đáp ứng nhu cầu của chính họ<sup>6</sup>. Phát triển bền vững gồm có hai khái niệm chính là (i) khái niệm về nhu cầu, cụ thể là nhu cầu thiết yếu của người nghèo và đây là điều cần được ưu tiên, và (ii) khái niệm về sự giới hạn mà tình trạng hiện

tại của khoa học kỹ thuật và tổ chức xã hội áp đặt lên khả năng đáp ứng của môi trường nhằm thỏa mãn các nhu cầu hiện tại và tương lai. Khái niệm về phát triển bền vững được đưa vào rất nhiều hiệp ước quốc tế như Tuyên bố Rio của Liên hiệp quốc về Môi trường và Phát triển 1992<sup>7</sup>.

- *Nguyên tắc phòng ngừa hay cách tiếp cận phòng ngừa* được hiểu là nếu có một hành động hoặc một chính sách tiềm ẩn những rủi ro nghiêm trọng hoặc không thể phục hồi hoặc thiếu căn cứ khoa học thì chắc chắn sẽ không được sử dụng làm căn cứ cho việc triển khai các hoạt động, ban hành chính sách hoặc trì hoãn các giải pháp hiệu quả nhằm ngăn chặn các suy thoái môi trường<sup>8</sup>. Cách tiếp cận phòng ngừa hàm ý quyền của các chính phủ trong việc xây dựng các quy định ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường nghiêm trọng trong các hoạt động phát triển. Nguyên tắc này yêu cầu các chính phủ cẩn thận trọng và đưa ra cảnh báo khi cân nhắc áp dụng các công nghệ mới, các hoạt động hay định hướng phát triển mà có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sinh kế của các thế hệ hiện tại cũng như tương lai.

3. Hiệp ước Toàn cầu của Liên hiệp quốc, xem tại: <http://www.unglobalcompact.org>

4. Sáng kiến Minh bạch trong Công nghiệp khai thác, xem tại: <http://eiti.org/eiti>

5. Nguyên tắc Xích đạo, xem tại: <http://www.equator-principles.com>

6. Diễn đàn Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED). Tương lai chung của chúng ta. Oxford: Oxford University Press, 1987

7. Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển, Hội nghị của Liên Hiệp quốc về Môi trường và Phát triển, Rio de Janeiro, June 1992, United Nations General Assembly A/ CONF.151/26 (Vol. I).

8. Ibid, Nguyên tắc 15.

- *Phát triển công bằng* là nguyên tắc phát triển phải đảm bảo sự công bằng giữa nam giới và nữ giới, giữa các nhóm khác nhau trong xã hội, tôn trọng các quyền của các thế hệ tương lai khi xem xét nhu cầu hiện tại của xã hội. Sự công bằng ở đây còn ngụ ý trong việc chia sẻ chi phí và lợi ích của phát triển, cũng như cách đối xử với phụ nữ, người dân tộc bản địa và các nhóm dễ bị tổn thương khác. Yêu cầu về phát triển công bằng được phản ánh ở rất nhiều các sáng kiến quốc tế, bao gồm các sáng kiến trong lĩnh vực khai thác<sup>9</sup>.
- *Các nguyên tắc về quyền con người* liên quan đến nghĩa vụ của nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ và thực hiện các quyền con người cũng như trách nhiệm của các doanh nghiệp và cơ quan chuyên môn trong việc tuân thủ luật pháp hiện hành và tôn trọng các nguyên tắc quyền con người trong phát triển công nghiệp khai thác<sup>10</sup> bao gồm:

- *Các quyền con người cơ bản*: Tất cả mọi người, không phân biệt giới tính, dân tộc, tuổi, chủng tộc, tôn giáo, quan điểm chính trị, định hướng giới, đều được công nhận những quyền cơ bản không thể bị tước đoạt, giảm thiểu hay đánh đổi<sup>11</sup>. Các quyền con người cơ bản gồm quyền công dân, quyền chính trị và các quyền kinh tế, xã hội văn hóa<sup>12</sup> đã được đưa vào các hiệp ước quốc tế về quyền con người và Tuyên bố ASEAN về Quyền con người.
- *Quyền phát triển*: Tất cả các chính phủ cần đảm bảo phát triển phải được dựa trên sự tham gia tự nguyện và công bằng của tất cả các công dân và chia sẻ công bằng các lợi ích từ phát triển<sup>13</sup>.
- *Quyền có một môi trường ổn định và lành mạnh*: Tất cả các cá thể phải được sống trong một môi trường đủ để duy trì sự khỏe mạnh. Nguyên tắc này thừa nhận quyền khỏe mạnh và môi trường bền vững tạo ra cơ sở cho sự thừa nhận và bảo vệ các quyền liên kết. Quyền này không chỉ áp dụng cho những

9. Xem, ví dụ, Đại hội đồng Liên hiệp quốc, Tuyên bố của Liên hiệp quốc về quyền người bản địa: nghị quyết/ được ban hành bởi Đại Hội đồng, 2 tháng 10 năm 2007, A/ RES/61/295; Chương trình Phát triển của Liên hiệp quốc, “Chiến lược của UNDP Hỗ trợ Quản lý Công bằng và Bền vững Lĩnh vực Khai thác để Phát triển Con người”, 8 tháng 7 năm 2013.

10. Yêu cầu này được đưa vào các Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hiệp quốc về Kinh doanh và các Quyền con người: Văn phòng Quyền Con người, “Nguyên tắc Hướng dẫn về Quyền con người: Thực thi Khung Bảo vệ, Tôn trọng và Xử lý vấn đề” (2011). Hội đồng Quyền con người Liên hiệp quốc đã ban hành các nguyên tắc hướng dẫn trong nghị quyết 17/4 ngày 16 tháng 7 năm 2011.

11. Các quyền trên đã được thừa nhận trong rất nhiều các sáng kiến quốc tế, bao gồm Tuyên bố chung về Quyền Con người, Hiệp ước quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị và Hiệp ước Quốc tế về Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa, cùng với việc xây dựng Đạo luật Quốc tế về Quyền con người. Các hiệp ước trên đã được bổ sung bởi các công cụ về quyền con người chính, bao gồm: Hiệp định về việc Xóa bỏ tất cả các hình thức Phân biệt Chủng tộc, Hiệp định về Xóa bỏ tất cả các Định kiến chống lại phụ nữ, Hiệp ước về Quyền trẻ em, Hiệp ước quốc tế về bảo vệ quyền của người lao động nhập cư và thành viên của họ và Hiệp ước về Quyền của Người Khuyết tật

12. Yêu cầu này được đưa ra trong Các nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hiệp quốc về Kinh doanh và Quyền con người. Văn phòng Ủy hội cấp cao về Quyền con người, “Các Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hiệp quốc về Quyền con người” (2011). Hội đồng Quyền con người UN đã ban hành các Nguyên tắc Hướng dẫn tại nghị quyết số 17/4 ngày 16 tháng 7 năm 2011.

13. Tuyên bố UN về Quyền Phát triển hướng tới việc cải thiện sinh kế cho tất cả người dân. Quyền Phát triển cũng đã được đưa vào Tuyên bố ASEAN về Quyền con người.

những thể hệ hiện tại mà còn cho cả những thế hệ tương lai<sup>14</sup>.

- Các quyền người bản địa bao gồm những quyền cụ thể đối với riêng người dân tộc bản địa, bao gồm quyền được sinh sống như những người khác biệt, tự quyết định, bảo vệ lãnh thổ, hòa nhập văn hóa, quyền được hưởng một môi trường trong lành, quyền có tổ chức chính trị và được bày tỏ quan điểm, quyền được bồi thường công bằng cho các thiệt hại về đất đai truyền thống và được đảm bảo quyền “đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp đầy đủ thông tin” trong tất cả các hoạt động phát triển có thể gây ảnh hưởng đến vùng lãnh thổ và sinh kế của họ<sup>15</sup>.
- Ra quyết định dựa trên sự tham gia là nguyên tắc hàm ý tất cả các công dân có quyền tham gia vào các quyết định phát triển liên quan đến tài nguyên thiên nhiên. Nội dung này liên quan đến yêu cầu được tiếp cận thông tin, có cơ hội được tham vấn và tham gia

có ý nghĩa, tiến trình hiệu quả để đảm bảo được đền bù và trách nhiệm giải trình phù hợp nếu như các thỏa thuận không được tôn trọng<sup>16</sup>.

- Minh bạch và trách nhiệm giải trình là việc chính phủ và các doanh nghiệp phải có trách nhiệm giải trình về các hoạt động liên quan đến việc sử dụng tài nguyên đối với các bên liên quan ở phạm vi rộng, bao gồm cộng đồng bị ảnh hưởng. Điều này cũng hàm ý các chính phủ và doanh nghiệp cần tạo điều kiện cho quá trình giám sát độc lập và công khai các tác động từ chính những hoạt động phát triển đó<sup>17</sup>.
- Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền khẳng định các bên gây ra ô nhiễm và gây thiệt hại về môi trường phải có trách nhiệm chi trả kinh phí làm sạch ô nhiễm và phục hồi môi trường. Nguyên tắc này được đưa vào Nguyên tắc 16 của Tuyên bố Rio, trong đó, nhấn mạnh các quốc gia có trách nhiệm đảm bảo người gây ô nhiễm phải chi trả các khoản chi phí liên quan đến hoạt động phát triển<sup>18</sup>.

14. Quyền đối với một môi trường an toàn, trong sạch và bền vững được đưa vào Điều 28 (f) của Tuyên bố ASEAN về Quyền Con người. Những điều khoản cụ thể hơn về quyền đối với một môi trường khỏe mạnh có thể thảo khảo thêm tại Hiệp ước về Tiếp cận Thông tin, Sự tham gia của công chúng trong quá trình quyết định và tiếp cận công lý trong các vấn đề môi trường (Hiệp ước Aarhus), Aarhus, Đan Mạch (1998), có hiệu lực vào năm 2001. Ngoài ra, hướng dẫn cụ thể về mối quan hệ giữa môi trường khỏe mạnh và bền vững và thực thi các quyền cơ bản khác của con người được đưa vào báo cáo Chuyên gia Độc lập của Liên hiệp quốc về các vấn đề thực thi quyền con người liên quan đến thụ hưởng một môi trường an toàn, trong sạch, mạnh khỏe và bền vững, A/HRC/22/43 at para. 42. 15 Theis

15. Các quyền trên đã được đưa vào Tuyên bố của Liên hiệp quốc về các Quyền của Người bản địa, Op. Cit., cũng như Công ước số 169 của Tổ chức Lao động Thế giới về các dân tộc bản địa và bộ tộc.

16. Hiệp ước Aarhus, Op. Cit.

17. Các nguyên tắc trên được trình bày cụ thể trong Sáng kiến Minh bạch trong Công nghiệp khai thác (EITI) “ và Tiêu chuẩn EITI” được thông qua tại Hội nghị EITI toàn cầu tại Sydney từ 23-24/5/2013.

18. Tuyên bố Rio 1992, Op. Cit.

# KHUNG HƯỚNG DẪN



## Bối cảnh chung

Sự phát triển của ngành công nghiệp khai khoáng, gồm các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và hydrocacbon (than, dầu và khí) được coi là nhân tố quan trọng trong việc xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN. Các quốc gia thành viên ASEAN đều tin tưởng sự phát triển của ngành công nghiệp khai khoáng sẽ góp phần đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế khu vực thông qua việc tạo thêm công ăn việc làm, tăng sản lượng xuất khẩu, đầu tư vào cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực.

ASEAN có những lý do xác đáng để hỗ trợ cho vai trò to lớn của ngành công nghiệp khai thác trên con đường hội nhập kinh tế toàn khu vực. Thứ nhất, các quốc gia thành viên ASEAN đều được ưu đãi với nguồn tài nguyên nguyên liệu hóa thạch, năng lượng và khoáng sản dồi dào. Thứ hai, vai trò của ngành công nghiệp khai khoáng trong việc xây dựng cộng đồng kinh tế AEC được hỗ trợ bởi sự tăng trưởng liên tục của ngành này tại nhiều nước thành viên. Mặc dù giá cả các loại hàng hóa đang biến động và gần đây là sự suy thoái của nền kinh tế toàn cầu, ngành công nghiệp khai thác vẫn tiếp tục sôi động. Lý do thứ ba là sự đóng góp đáng kể của ngành khai khoáng đối với nền kinh tế các quốc gia thành viên ASEAN. Tuy nhiên, sự khác nhau về trữ lượng cùng yếu tố rủi ro, trình độ phát triển kinh tế, hệ thống luật pháp và các yếu tố thể chế khác đã góp phần tạo nên sự khác biệt về quy mô, phạm vi, sản lượng và vai trò của ngành công nghiệp khai khoáng đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia thành viên.

Bất chấp sự phát triển năng động và được đầu tư liên tục vào ngành công nghiệp khai khoáng tại ASEAN, một vài yếu tố được xác định là đang cản trở ngành khai khoáng phát triển đúng tiềm

năng. Một trở ngại lớn tại nhiều quốc gia ASEAN là vấn đề quản trị yếu kém tại nhiều cấp độ, bao gồm việc thiếu quy định pháp luật, thiếu các cơ chế đủ mạnh để đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm cũng như các giải pháp thúc đẩy mối quan hệ giữa chính phủ và các tổ chức ngoài nhà nước. Quản trị được hiểu một cách rộng rãi là sự tuân thủ đúng đắn của những người có thẩm quyền về chính trị, kinh tế và quản trị nhằm phát triển nguồn tài nguyên quốc gia. Việc quản trị tốt đòi hỏi phải quản lý kinh tế, thi hành pháp luật một cách đúng đắn với sự tham gia đầy đủ của người dân, đồng thời đảm bảo minh bạch, trách nhiệm giải trình. Ngoài ra, quản trị tốt còn phải có khả năng dự báo trước đối với vấn đề quản trị công. Về bản chất, ngành công nghiệp khai khoáng được đánh giá là đặc biệt nhạy cảm trong các vấn đề quản trị tại mỗi cấp độ.

Việc quản trị tốt phải được thực thi một cách toàn diện trong toàn bộ chuỗi giá trị của ngành công nghiệp khai khoáng. Chuỗi giá trị thể hiện mối liên kết giữa một chuỗi các hoạt động trong ngành, từ việc khai thác hydrocacbon và khoáng sản, đến khâu chế biến, thương mại cuối cùng là việc phân bổ, sử dụng nguồn thu có được từ các hoạt động khai khoáng. Thách thức quản trị đối với ngành khai khoáng ASEAN được xác định tồn tại trong mỗi cấp độ của chuỗi giá trị.

Do đó, sự phát triển của ngành khai khoáng tại ASEAN đòi hỏi một khung chính sách vững mạnh mẽ và hiệu quả. Các nhà nước và chính phủ các quốc gia thành viên có trách nhiệm cuối cùng trong việc đặt ra quy định pháp luật và thể chế mà trong đó ngành công nghiệp này được vận hành, nhằm đảm bảo đạt được các



lợi ích bền vững từ ngành công nghiệp khai khoáng, đóng góp cho nền kinh tế quốc gia và kinh tế vùng. Đặc biệt, sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp khai khoáng còn phụ thuộc vào sự định hướng chiến lược bao gồm việc đảm bảo áp dụng khung thể chế, pháp luật và quy định nhằm theo đuổi các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường; đảm bảo trách nhiệm giải trình, sự minh bạch và tham vấn ý kiến của các bên liên quan; và thiết lập nên các hệ thống chia sẻ hiệu quả nhằm mang các lợi ích thiết thực từ khai khoáng đến người dân.

Trong bối cảnh ASEAN, khung quản trị khu vực phải giải quyết sự đa dạng trong quy mô và phạm vi giữa ngành công nghiệp khai khoáng của các quốc gia thành viên do sự khác nhau về trữ lượng, yếu tố rủi ro, trình độ phát triển kinh tế, pháp luật và các yếu tố thể chế. Khung quản trị cũng cần phải tính đến khoảng cách phát triển và đẩy mạnh sự hội nhập kinh tế của các quốc gia thành viên ASEAN kém phát triển hơn, để đảm bảo tất cả các quốc gia thành viên đều được hưởng lợi từ sự hội nhập ASEAN.

Khung quản trị này nhằm đóng góp vào sự phát triển của ngành công nghiệp khai khoáng ASEAN với mục đích tăng cường tính trách nhiệm, minh bạch, khả năng quản trị và hiệu quả trong việc kích thích tăng trưởng kinh tế vùng, quốc gia và khu vực; tăng cường bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội và sự tham gia của cộng đồng. Mục tiêu của Khung quản trị là nhằm xây dựng ngành khai khoáng trở thành một phần quan trọng của nền kinh tế công nghiệp đa dạng, năng động và cạnh tranh toàn cầu ở cấp độ khu vực trong khi vẫn khai thác các tiềm năng của việc khai khoáng quy mô nhỏ nhằm thúc đẩy doanh nghiệp bản địa, nâng cao đời sống, phát triển kinh tế và tăng cường sự hội nhập đối với xã hội nông thôn.

Khung quản trị sẽ cung cấp các nguyên tắc và nền tảng đảm bảo hài hòa các chính sách của ngành khai khoáng giữa các quốc gia thành viên ASEAN, hướng tới các chuẩn mực cao về trách nhiệm giải trình của các công ty khai khoáng và các chính phủ, tuân thủ các nguyên tắc, quy định về quyền con người, các khung tài chính, quản lý nguồn thu, sự minh bạch và công bằng xã hội cũng như bảo vệ môi trường, quyền và lợi ích của các cộng đồng chịu tác động tại địa phương. Bên cạnh đó, Khung quản trị cũng đóng vai trò như một công cụ chuẩn mực đối với việc quản lý ngành công nghiệp khai khoáng trong ASEAN, tạo điều kiện cạnh tranh công bằng giữa các quốc gia thành viên ASEAN, tránh nguy cơ trở thành “cuộc đua xuống đáy” khi không quốc gia nào có thể phát triển được.

Việc triển khai Khung quản trị sẽ đảm bảo rằng việc chuẩn hóa và cân đối các tiêu chuẩn có tính đến các giai đoạn và bối cảnh khác nhau giữa các quốc gia thành viên ASEAN tương ứng với sự phát triển của ngành công nghiệp khai khoáng và sự cần thiết của việc phát triển linh hoạt, thông qua các chính sách, chiến lược giải quyết các nhu cầu cụ thể của mỗi nước thành viên. Hơn thế, Khung quản trị sẽ cung cấp một bộ hướng dẫn việc xây dựng các công cụ giám sát quá trình phát triển của ngành khai khoáng tại các nước ASEAN.

## Khung chi tiết

Khung quản trị khu vực là công cụ thúc đẩy sự phát triển và hội nhập với nền kinh tế toàn cầu của cộng đồng kinh tế AEC cũng như các trụ cột quan trọng khác của cộng đồng, Khung quản trị được gắn kết và tuân thủ các văn bản pháp luật và các quyết định chính thức của Hội nghị cấp cao, Hội đồng và Ủy ban cấp Bộ trưởng trong khối ASEAN, đồng thời áp dụng các kinh nghiệm thực hành tốt và tiêu chuẩn quốc tế liên quan trực tiếp đến ngành công nghiệp khai khoáng.

Dựa vào các quyết định, nguyên tắc, tiêu chuẩn cấp độ khu vực và toàn cầu, Khung quản trị bao gồm bốn nội dung cơ bản: (i) bảo vệ môi trường; (ii) bảo vệ và tôn trọng quyền con người; (iii) thực hành minh bạch và trách nhiệm; (iv) các khung tài chính và quản lý nguồn thu. Đây là những khía cạnh cần phải được chú trọng nhằm đảm bảo quản trị tốt trong toàn bộ chuỗi giá trị của ngành công nghiệp khai khoáng, bao gồm cả ngành năng lượng hóa thạch (hydrocacbon) và khoáng sản.

Việc khai thác thủ công, quy mô nhỏ (Artisanal and small-scale mining - ASM) là một vấn đề xuyên suốt trong Khung quản trị. Tại nhiều nước ASEAN, ASM chủ yếu là một hoạt động giảm đói nghèo và đóng vai trò kinh tế quan trọng, đặc biệt về khía cạnh giải quyết công ăn việc làm tại chỗ. Tuy nhiên, ASM cũng ảnh hưởng không nhỏ tới môi trường và gây ra những tác động nghiêm trọng cho sức khỏe và sự an toàn của người lao động cùng cộng đồng địa phương. Việc thiếu hợp thức hóa ASM trong quy định pháp luật đã gây ra các khó khăn trong việc cải thiện môi trường cũng như điều kiện và đời sống người lao động. Rất nhiều lợi ích kinh tế tiềm năng của

ngành khai thác quy mô nhỏ cũng bị mất đi do sự yếu kém trong công nghệ khai thác, chế biến và tiếp cận thị trường; thậm chí, hoạt động này còn dẫn tới những mâu thuẫn nghiêm trọng với cộng đồng địa phương, các cơ quan chính phủ và các công ty khai thác quy mô lớn.

Khung quản trị này nhằm đến bốn đối tượng: (1) Các chính phủ và các cơ quan chính phủ đại diện cho các quốc gia thành viên ASEAN; (2) Các tập đoàn và doanh nghiệp tư nhân; (3) Người dân, cộng đồng bao gồm các cộng đồng bị tác động và các tổ chức xã hội dân sự; (4) Các định chế tài chính, bao gồm ngân hàng nhà nước, ngân hàng tư nhân và các công ty bảo hiểm.

Việc triển khai hiệu quả Khung quản trị này đòi hỏi sự tham gia và ủng hộ tích cực của các chính phủ. Kinh nghiệm áp dụng các sáng kiến trước đây cho thấy việc thiết lập các tiêu chuẩn tự nguyện là không đủ để đảm bảo hoạt động khai khoáng khai thác được tối đa lợi ích và giảm thiểu đến mức thấp nhất tác động tới môi trường cũng như tác động tới các cộng đồng địa phương. Rất nhiều vấn đề đặt ra trong Khung quản trị này đòi hỏi phải được vận dụng trong bối cảnh chính sách quốc gia, bao gồm các quy định chặt chẽ, ý chí chính trị và khả năng thực thi pháp luật. Chính phủ các nhà nước thành viên nắm vai trò chủ đạo trong việc hoàn thành các nguyên tắc hướng dẫn trong Khung quản trị và đảm bảo việc triển khai hiệu quả thông qua việc: ban hành các chính sách và quy định phù hợp; đảm bảo việc xét xử nhằm ngăn ngừa và xử phạt các sai phạm; giải quyết các lỗ hổng trong chính sách và pháp luật; xây dựng tri thức và năng lực nội bộ ngành nhằm tuân thủ một cách hiệu quả; và đảm bảo có đủ ngân sách cùng các

nguồn lực để giám sát việc triển khai, thi hành. Các doanh nghiệp thường được nhà nước trao quyền các quyền khai thác tài nguyên khoáng sản thông qua các loại giấy phép và được chuyển nhượng quyền này thông qua các hợp đồng, giao dịch kinh tế. Các doanh nghiệp, do đó, phải có trách nhiệm tôn trọng và tuân thủ các yêu cầu của nhà nước cũng như cần hành động một cách tích cực nhằm tránh vi phạm các nguyên tắc, quy định của Khung quản trị này. Các doanh nghiệp có trách nhiệm tôn trọng các nghĩa vụ và đảm bảo việc tuân thủ trong tất cả các hoạt động kinh doanh và trong cả các mối quan hệ với bên thứ ba liên quan đến hoạt động khai thác, ví dụ như các đối tác kinh doanh, các chủ thể trong chuỗi giá trị, hay các cơ quan quốc doanh lẫn ngoài quốc doanh. Điều này bao hàm cả trách nhiệm của các định chế tài chính trong việc quá trình phê duyệt đầu tư, cấp vốn cho các dự án có khả năng gây ra các rủi ro đối với môi trường và xã hội cũng như các tác động tổng hợp, không thể phục hồi hoặc chưa có tiền lệ. Một số doanh nghiệp và định chế tài chính đã ghi nhận sự cần thiết phải tuân thủ đối với các quy tắc, quy ước và hiệp định quốc tế nhằm bảo vệ môi trường, quyền con người, người lao động, các chuẩn mực xã hội và bảo tồn văn hóa. Về vấn đề này, có rất nhiều doanh nghiệp trên toàn cầu đã tham gia vào các nguyên tắc tự nguyện và các sáng kiến đa phương như Hiệp ước Toàn cầu Liên hiệp quốc, Nguyên tắc Xích đạo và Sáng kiến Minh bạch ngành công nghiệp khai thác (EITI). Khung quản trị dựa trên những sáng kiến quốc tế và tự nguyện sẵn có để buộc các doanh nghiệp tuân thủ trách nhiệm giải trình bằng cách yêu cầu họ phải chịu sự giám sát hoạt động và chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm một cách độc lập. .

Ngay cả ở những nơi mà các tổ chức đang hoạt động tốt, ngành công nghiệp khai khoáng vẫn có thể gây ra các tác động tiêu cực và khi xảy ra, cộng đồng bị ảnh hưởng cần phải được bồi

thường. Nhà nước phải thực hiện đúng các quy trình trong quyền hạn của mình nhằm đảm bảo rằng khi những tác động xảy ra, cộng đồng bị ảnh hưởng phải được bồi thường một cách thỏa đáng thông qua các biện pháp pháp luật, quản trị, quy định hay các biện pháp thích hợp khác. Các doanh nghiệp có trách nhiệm hợp tác trong quá trình khắc phục hậu quả, đồng thời tiến hành đánh giá lại nội bộ của mình. Các tổ chức xã hội dân sự cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc giám sát quá trình khắc phục hậu quả cũng như giúp đỡ người dân và các nhóm cộng đồng thực thi quyền và nói lên tiếng nói của họ.

## 1. Bảo vệ môi trường

1.1. Chính phủ các nước thành viên cần phải quy định một số khu vực “bị cấm” khi triển khai các hoạt động của ngành khai khoáng, như những nơi nhạy cảm về mặt môi trường, xã hội và văn hóa, nói cách khác, thể xảy ra những rủi ro rất lớn nếu thực hiện các hoạt động khai khoáng ở đây. Việc quy định các khu vực đó cần phải được dựa trên các quy định và tiêu chí phù hợp thông qua một quy trình đa bên, bao gồm người dân địa phương và cộng đồng có thể bị ảnh hưởng.

1.2. Khu vực “bị cấm” thường là các khu vực có giá trị văn hóa - xã hội và môi trường. Các khu vực có giá trị môi trường là các khu vực có giá trị bảo tồn, có đa dạng sinh học cao và đang cung cấp các dịch vụ sinh thái thiết yếu như nước sạch, điều hòa khí hậu hay chống xói lở. Các khu vực này ít nhất phải là:

- Các khu bảo tồn nằm trong phân hạng I-IV hoặc các khu bảo tồn biển thuộc nhóm I-VI trong hệ thống phân hạng quốc tế các khu bảo tồn thiên nhiên của IUCN.
- Các khu Ramsar thuộc phân hạng I-IV trong hệ thống phân hạng quốc tế các khu bảo tồn thiên nhiên của IUCN.
- Các khu vực được phân loại theo các quy ước quốc tế khác có giá trị bảo tồn thiên nhiên và văn hóa như các khu di sản thế giới (World Heritage Sites) của UNESCO.
- Các khu vực được quy định là khu bảo tồn và bảo vệ theo các quy định luật pháp của các quốc gia thành viên ASEAN, bao gồm các Vườn quốc gia và khu bảo tồn.

- Các khu vực có giá trị sinh học mà có thể trở thành khu bảo tồn trong tương lai và các khu vực hiện được coi là rất nhạy cảm về môi trường và xã hội nếu tiến hành các hoạt động khai khoáng (ví dụ các khu vực đa dạng loài, các đảo nhỏ, đỉnh núi, khu vực miếu, đền đài, hay các khu vực đang xảy ra xung đột).
- Khu vực thường xảy ra các thảm họa thiên nhiên.

1.3. Một quy trình đa bên cần được thực hiện nhằm nhận diện thêm các khu vực có giá trị bảo tồn cao để đưa vào danh mục các khu vực “bị cấm”. Sinh kế của cộng đồng địa phương và người dân tộc bản địa cần phải được xem xét. Quá trình ra quyết định về khu vực “bị cấm” liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản và hydrocacbon, do đó, không chỉ xem xét đến các khía cạnh, giá trị bảo tồn thiên nhiên mà còn phải quan tâm đến những người dân có sinh kế phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng các quy định về các khu vực “bị cấm” cần phải nhất quán với các quyền của cộng đồng được “đồng thuận dựa trên nguyên tắc

tự nguyện, báo trước và được cung cấp đầy đủ thông tin” (FPIC) trước khi tiến hành các hoạt động khai thác.

- 1.4. Các quốc gia thành viên phải thể chế hóa các quy định về quy trình ra quyết định cho phép hay từ chối cấp quyền khai thác hydrocacbon, tài nguyên khoáng sản đều phải dựa trên kết quả của các đánh giá tác động môi trường và xã hội một cách toàn diện và độc lập, có sự tham gia thực sự của người dân nhằm đảm bảo các hoạt động đó có thể “chấp nhận được” về mặt môi trường và xã hội, có cam kết bảo vệ môi trường, đồng thời đảm bảo an toàn cho đời sống người dân và y tế cộng đồng khi tiến hành các hoạt động khai thác. Các đánh giá này phải bao gồm:

- Toàn bộ các chi phí môi trường, bao gồm chi phí giám sát theo quy định, cải tạo, đóng cửa, giám sát và phục hồi sau khi đóng cửa mỏ.
- Có tính đến các kịch bản xấu nhất có thể xảy ra, phân tích các tác động gián tiếp nhằm nhận diện các nguy cơ tiềm ẩn, từ đó, xây dựng các kế hoạch ứng xử phù hợp.

- 1.5. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng các bên được cấp quyền khai thác hydrocacbon và khoáng sản phải chịu trách nhiệm ngăn ngừa và quản lý chất thải, cũng như các chất độc hại khác liên quan đến các hoạt động khai thác.

- 1.6. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo không xả các chất thải từ mỏ vào sông, suối và các chủ thể được cấp quyền khai thác không được phép thải ngấm chất thải ra các khu vực biển gần bờ. Việc xả thải ở các khu vực biển sâu, xa bờ cũng

không được phép thực hiện trừ khi có một đánh giá độc lập cho thấy có ít rủi ro đối với môi trường và xã hội.

- 1.7. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo chủ thể được cấp quyền khai thác tài nguyên phải có trách nhiệm phục hồi tất cả các khu vực bị xáo trộn để có thể sử dụng trong tương lai.

- 1.8. Các quốc gia thành viên phải thiết lập ra một Quỹ Phục hồi để hỗ trợ việc phục hồi tại các khu vực mỏ đã và đang khai thác.

- 1.9. Các quốc gia thành viên phải thể chế hóa các quy định pháp lý cần thiết (nếu chưa có) nhằm cung cấp một cơ chế khiếu nại - phản hồi và kiểm toán sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

- 1.10. Các quốc gia thành viên phải ban hành các quy định phù hợp cho phép người dân triển khai hoạt động khai thác thủ công, quy mô nhỏ nhưng cần đảm bảo các hoạt động này an toàn, hiệu quả và bền vững với môi trường.

## 2. Tôn trọng và Bảo vệ quyền con người

- 2.1. Các quốc gia thành viên và chủ thể được cấp quyền khai thác tài nguyên phải tôn trọng và thúc đẩy các quyền con người trong các hoạt động khai thác, bao gồm quyền phụ nữ, trẻ em, người dân tộc bản địa và người lao động. Các quốc gia thành viên phải đóng vai trò chính trong bảo vệ quyền con người thông qua việc ban hành các chính sách, quy định phù hợp, và cơ chế xử phạt nhằm ngăn ngừa vi phạm cũng như đảm bảo phân bổ nguồn lực phù hợp để giám sát sự tuân thủ. Các doanh nghiệp là chủ thể được cấp quyền khai thác phải có trách nhiệm tôn trọng và tuân thủ các quy định của nhà nước cũng như có các hành động tích cực nhằm hạn chế vi phạm các quy định của nhà nước về quyền con người.
- 2.2. Các quốc gia thành viên và các chủ thể được cấp quyền khai thác phải đảm bảo quyền của các cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng luôn được tôn trọng, đặc biệt phải tôn trọng quyền của người dân địa phương đối với việc sở hữu, chiếm dụng, phát triển, kiểm soát, bảo vệ và sử dụng đất đai cũng như các tài nguyên thiên nhiên, các tài sản văn hóa và trí tuệ khác. Đối với những nơi chưa có quy định pháp lý về quyền con người, chính phủ nước đó phải có trách nhiệm ban hành các quy định cần thiết.
- 2.3. Chủ thể được cấp quyền khai thác tài nguyên phải nhận được quyết định “đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp đầy đủ thông tin” của cộng đồng bị ảnh hưởng trước khi tiến hành hoạt động thăm dò, cũng như trước và sau mỗi bước khai thác tiếp theo.

- 2.4. Các chủ thể được cấp quyền khai thác cần phải duy trì việc tham vấn và đàm phán về các quyết định quan trọng có ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương trong suốt chu trình khai thác. Các chủ thể này cần thực hiện các hoạt động khai thác theo nguyên tắc tôn trọng quyền phát triển và đảm bảo những người bị ảnh hưởng và người dân nói chung được tham gia, đóng góp và hưởng lợi từ việc phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị một cách bền vững.
- 2.5. Các chủ thể được cấp quyền khai thác cần phải ưu tiên tuyển dụng người dân của quốc gia nơi diễn ra hoạt động khai thác, đặc biệt các thành viên của cộng đồng bị ảnh hưởng với tỷ lệ cao nhất có thể và phải nhất quán với các quy định về an toàn, hiệu quả và kinh tế.
- 2.6. Liên quan đến quyền của cộng đồng và người dân tộc bản địa, các quốc gia thành viên cần đảm bảo:
- Các chủ thể được cấp quyền khai thác tài nguyên phải nhận được quyết định “đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp đầy đủ thông tin” của người dân địa phương trước và sau khi tiến hành, từng hoạt động trong chu trình khai thác.
  - Các chủ thể được cấp quyền khai thác phải đàm phán cộng đồng và người dân địa phương, bao gồm cả phụ nữ và nam giới trước khi tiến hành thăm dò. Việc đàm phán phải tiến hành liên tục trong suốt vòng đời của các hoạt động khai thác; và cộng đồng địa phương có thể từ chối ở bất kỳ giai đoạn nào của các hoạt động khai thác.

- Các chủ thể được cấp quyền khai thác cần tiến hành tham vấn các cộng đồng bị ảnh hưởng theo phương thức phù hợp về mặt văn hóa, sử dụng các cơ chế và thể chế được công nhận bởi người dân và cộng đồng địa phương, bao gồm cả phụ nữ và nam giới trong khu vực họ muốn triển khai hoạt động.
  - Người dân và cộng đồng địa phương, bao gồm cả phụ nữ và nam giới phải được cung cấp đầy đủ thông tin và các nguồn lực để đánh giá được các dự án trước khi đưa ra quyết định chấp nhận và phương thức các hoạt động khai thác sẽ được tiến hành.
  - Các chủ thể được cấp quyền khai thác tài nguyên không được can thiệp hay có những tác động tới ý kiến đồng thuận của cộng đồng trong việc ủng hộ dự án khai thác (hoặc vận động chính phủ làm việc đó dưới danh nghĩa của họ) vì việc này có thể dẫn tới những chia rẽ, bất đồng và thậm chí là mâu thuẫn trong cộng đồng.
- 2.7. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo các hoạt động khai thác quy mô lớn cùng tồn tại hòa bình với các hoạt động khai thác thủ công, quy mô nhỏ.
- 2.8. Các quốc gia thành viên và các chủ thể được cấp quyền khai thác tài nguyên quy mô lớn phải tuân thủ các quy định liên quan đến tái định cư và đền bù trong trường hợp phải di dời các cộng đồng bị ảnh hưởng cùng những người khai thác quy mô nhỏ ra khỏi nơi ở và làm việc của họ, cụ thể:
- Hoạt động tái định cư cần phải hạn chế đến mức thấp nhất và không được thực hiện nếu không có quyết định “đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp đầy đủ thông tin” của các cá nhân bị ảnh hưởng được liệt kê trong thỏa thuận tham vấn.
  - Hoạt động tái định cư tự nguyện phải được tiến hành dựa trên một đánh giá tác động của việc di dời một cách chi tiết, có xét đến tất cả các phí tổn đối với các cộng đồng và cá nhân bị ảnh hưởng bởi việc di dời, trực tiếp hoặc gián tiếp.
  - Các chủ thể được cấp quyền khai thác phải dành đủ thời gian để đánh giá và tham vấn toàn diện với sự tham gia có ý nghĩa của những người bị ảnh hưởng, đồng thời phải tìm kiếm quỹ đất thay thế và thực hiện đầy đủ kế hoạch tái định cư cho người dân. Những trường hợp thiếu tư cách pháp lý về đất đai không nên trở thành rào cản trong đền bù cho những mất mát về quyền sở hữu và sử dụng đất của người dân trong quá trình tái định cư.
  - Hoạt động tái định cư cần phải làm cho cuộc sống của người dân tốt hơn so với trước khi thực hiện tái định cư. Không thực hiện di dời cho đến khi tất cả các rủi ro tiềm ẩn được đánh giá độc lập chi tiết, đối với tất cả đối tượng bị ảnh hưởng, bao gồm cả phụ nữ và nam giới, tất cả các thỏa thuận được ký kết, việc đền bù được thực hiện hoàn tất, quỹ đất thay thế được phân bổ, những người được di dời có thể bắt đầu xây dựng nơi ở mới, các chính sách và cơ sở vật chất đã được thiết lập cho phép người dân ít nhất giữ nguyên trạng hoặc có một cuộc

sống tốt đẹp hơn. Ngoài ra, những người dân được di dời phải được hưởng một cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại độc lập và hiệu quả.

- Các quốc gia thành viên và các chủ thể được cấp quyền khai thác phải thúc đẩy việc thiết lập các cơ chế giải quyết khiếu nại để người dân bị ảnh hưởng có thể tự do tham gia thực hiện chương trình tái định cư một cách thành công. Tất cả các khiếu nại cần phải được trả lời, ghi nhận và giải quyết nhanh chóng theo một quy trình thống nhất minh bạch.
  - Bảo hiểm tái định cư theo phương thức phù hợp có thể được cung cấp trong trường hợp các nỗ lực thực hiện không mang lại một cuộc sống tốt hơn trong khoảng thời gian đã thỏa thuận.
- 2.9. Các quốc gia thành viên phải chuẩn bị đầy đủ cho việc thực hiện các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội liên quan đến các hoạt động khai thác và đảm bảo trao quyền cho phụ nữ. Chính phủ các quốc gia thành viên cần phải hỗ trợ các cộng đồng địa phương để giúp họ có đủ năng lực tham gia đàm phán và giải quyết tranh chấp với các chủ thể được cấp hữu quyền khai thác về các vấn đề liên quan đến hoạt động khai thác.

2.10. Các quốc gia thành viên cần phải thực hiện các bước thích hợp để đảm bảo những trường hợp bị xâm phạm quyền con người liên quan đến các hoạt động khai thác được bồi thường thỏa đáng thông qua các biện pháp xét xử, luật pháp hoặc các biện pháp thích hợp khác. Các quốc gia thành viên cần phải yêu cầu các doanh nghiệp hợp tác đầy đủ trong các quá trình khắc phục hậu quả và hỗ trợ năng lực để thiết lập và vận hành các quy trình khiếu nại nội bộ của họ.

2.11. Các chủ thể được cấp quyền khai thác tại các khu vực xung đột phải đảm bảo tuân thủ đối với tất cả các quy ước quốc tế về nhân quyền và luật nhân quyền quốc tế.



### 3. Thực hành minh bạch và trách nhiệm

- 3.1. Các quốc gia thành viên cần phải xây dựng một sự hiểu biết thấu đáo về cơ sở tài nguyên khoáng sản và hydrocacbon để có thể đưa ra các quyết định quan trọng trong cấp quyền, từ chối và thu hồi quyền khai thác tài nguyên.
- 3.2. Trong quá trình cấp quyền, từ chối hoặc thu hồi quyền khai thác tài nguyên, cần phải có sự minh bạch và trách nhiệm giải trình ở từng giai đoạn khi quyết định để đảm bảo rằng các quyền được cấp hay từ chối được tiến hành thông qua một quy trình công bằng và minh bạch.
- 3.3. Năng lực cần thiết để được cấp quyền khai thác tài nguyên tại các quốc gia thành viên phải đáp ứng được các quy định và thực hành tốt quốc tế trong ngành công nghiệp khai khoáng và phải bao gồm, nhưng không giới hạn, các biện pháp hiệu quả đảm bảo an toàn môi trường và các quyền của cộng đồng bị ảnh hưởng trong các hoạt động khai thác và một kế hoạch hoạt động cụ thể được thông qua bởi các cơ quan có thẩm quyền đối với các doanh nghiệp sử dụng hàng hóa, dịch vụ và nhân lực địa phương.
- 3.4. Thông tin chi tiết của từng dự án khai khoáng, các thỏa thuận hợp đồng giữa chính quyền trung ương, địa phương và các chủ thể được cấp quyền khai thác, các tác động tiềm ẩn đối với môi trường và xã hội của dự án, các biện pháp giảm thiểu và các kế hoạch giám sát cần phải công khai đối với người dân và chia sẻ ở một định dạng và ngôn ngữ phù hợp.

- 3.5. Khi đất bị thu hồi để phục vụ khai thác hydrocacbon và khoáng sản, chủ sở hữu hoặc người cư trú hợp pháp phải được chi trả đền bù một cách công bằng và nhanh chóng theo quy trình thống nhất và minh bạch.
- 3.6. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng chương trình Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp (CSR) cần được xem xét là một trong các điều kiện cấp quyền khai thác tài nguyên để đảm bảo nâng cao đời sống của cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng. Chương trình và sáng kiến CSR phải được xây dựng với sự đồng thuận và tham gia tích cực của các cộng đồng địa phương bị ảnh hưởng.
- 3.7. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo thực hiện kiểm toán độc lập thường xuyên đối với các hoạt động doanh nghiệp áp dụng cho cộng đồng, môi trường và xã hội và kết quả kiểm toán cần được công khai ở một định dạng thích hợp và dễ tiếp cận.
- 3.8. Những chủ thể được cấp quyền khai thác tài nguyên phải tiến hành các hoạt động tuân theo luật pháp quốc gia, các thủ tục hành chính, các chính sách của các quốc gia nơi họ triển khai hoạt động và cần quan tâm đến các thỏa thuận, các nguyên tắc, mục tiêu và tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến môi trường, y tế cộng đồng và an toàn. Chủ thể được cấp quyền khai thác phải thực hiện các hành động theo hướng mà có thể đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững.

- 3.9. Chủ sở thể được cấp quyền khai thác tài nguyên sẽ xây dựng và chuẩn bị đầy đủ để thực hiện các kế hoạch khôi phục trong suốt và sau khi đóng cửa mỏ từ trước khi bắt đầu đi vào hoạt động chính thức. Các kế hoạch này sẽ được kiểm tra định kỳ.
- 3.10. Chủ thể được cấp quyền khai thác tài nguyên sẽ báo cáo đánh giá kết quả thực hiện phát triển bền vững của họ hàng năm, theo các tiêu chuẩn quốc tế về Công bố thông tin trong lĩnh vực kim loại và khai khoáng (Mining and Metal Sector Disclosure). Các quốc gia thành viên phải đảm bảo đã đánh giá cam kết của các chủ thể được cấp quyền khai thác về việc tuân thủ theo các yêu cầu khi cấp quyền khai thác. Các quốc gia thành viên cần tạo điều kiện và hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn này.
- 3.11. Thực hiện kiểm toán định kỳ để xác định hiệu suất hoạt động, ảnh hưởng tới xã hội và môi trường của các chủ sở hữu quyền khai thác tài nguyên.
- 3.12. Các chủ sở hữu quyền khai thác cần lưu trữ các hồ sơ và biên bản cần thiết theo quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động khai thác tài nguyên. Các báo cáo và biên bản về hoạt động khai khoáng sẽ được cung cấp cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền của các quốc gia thành viên hàng năm và/hoặc khi yêu cầu.
- 3.13. Các quốc gia thành viên phải thiết lập và thực thi pháp luật và các quy định xử phạt chủ thể được cấp quyền khai thác do cung cấp các thông tin không đúng, gây hiểu lầm, không đầy đủ, hoặc cố ý đưa các thông tin sai lệch cho công chúng hoặc chính phủ.
- 3.14. Các quốc gia thành viên cần thực hiện giám sát đầy đủ về pháp lý, kinh tế, kỹ thuật đối với các hoạt động khai thác tài nguyên, bao gồm cả các hoạt động khai thác thủ công, quy mô nhỏ (ASM) nhằm nâng cao các tiêu chuẩn về lao động và đời sống cũng như cải thiện năng suất của các hoạt động ASM.
- 3.15. Trong trường hợp tái định cư và đền bù cho việc di dời các chủ thể được cấp quyền và quy mô nhỏ ra khỏi khu vực khai thác khoáng sản quy mô lớn, tất cả các khoản thanh toán và các chi phí liên quan đến việc tái định cư và đền bù cần được công bố công khai để đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính minh bạch cũng như hạn chế nạn tham nhũng hoặc sử dụng sai mục đích.
- 3.16. Các quốc gia thành viên cần từng bước đảm bảo các nguyên tắc quản trị chặt chẽ đều được thực thi và tuân thủ đầy đủ để chống lại việc buôn bán trái phép luật hay các dòng tài chính bất hợp pháp liên quan đến các hoạt động khai thác, sản xuất dầu khí và khoáng sản.

- 3.17. Các quốc gia thành viên cần thực hiện các hoạt động thúc đẩy tính minh bạch các thông tin liên quan đến nguồn thu từ khai khoáng và hydrocarbon, đặc biệt là thông qua việc tham gia vào Sáng kiến minh bạch ngành công nghiệp khai thác (EITI) và bằng cách cung cấp hỗ trợ cho các chủ thể được cấp quyền khai thác để thúc đẩy việc thực hiện theo các tiêu chuẩn của EITI.
- 3.18. Các quốc gia thành viên cần cung cấp một nguồn dữ liệu mở và minh bạch về tất cả nguồn thu nhập của chính phủ, bao gồm thuế tài nguyên, thuế, phí, các khoản thu khác từ các chủ thể được cấp quyền khai thác và công khai tình hình lợi nhuận từ các hoạt động khai thác tài nguyên đang được phân phối ở cấp quốc gia và địa phương. Không có dữ liệu nào được coi là bí mật nếu nó có thể làm suy giảm hoặc bị cho là có thể làm suy giảm sức khỏe con người, môi trường hoặc an toàn lao động.

- 3.19. Các quốc gia thành viên cần hướng tới việc phát triển một hệ thống chứng nhận chung của khu vực dành cho các mặt hàng khoáng sản được giao dịch trong và ngoài khu vực ASEAN. Khu vực ASEAN cần phát triển một hệ thống dữ liệu chuẩn để có thể truy xuất nguồn gốc của từng loại khoáng sản, cách thức khai thác và sản xuất chúng, hay mức độ tuân thủ các nguyên tắc về quyền con người, xã hội, môi trường và phương thức khai thác bền vững trong quá trình khai thác.

#### 4. Quản lý khung tài chính và doanh thu an toàn

- 4.1. Các quốc gia thành viên cần ban hành quy định phù hợp nhằm tối ưu hóa và bảo vệ các khoản thu từ việc phát triển ngành công nghiệp khai khoáng.
- 4.2. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng các nguồn tài nguyên và nguồn thu của ngành công nghiệp khai khoáng được quản lý dựa trên một khung tài chính vĩ mô toàn diện, có thể xác định được những biến động, bất ổn, tính chu kỳ của giá cả tài nguyên, và theo thời gian, ước tính được mức độ cạn kiệt nguồn dầu khí và khoáng sản.
- 4.3. Các quốc gia thành viên cần lập nên một hệ thống cung cấp thông tin minh bạch về các cuộc đấu giá và đấu thầu giấy phép và quyền khai thác tài nguyên khoáng sản và hydrocarbon. Các quốc gia này có thể yêu cầu bất kỳ công ty đấu thầu quyền khai thác tài nguyên nào cũng phải công bố công khai và đầy đủ quyền khai thác hợp pháp và sẽ có xử phạt đối với trường hợp không tuân thủ.
- 4.4. Các quốc gia thành viên cần chuyển tất cả nguồn thu từ khai thác tài nguyên vào hệ thống ngân sách và sử dụng nguồn thu đó một cách hiệu quả thông qua các chương trình chi tiêu công theo hướng phát triển của cơ sở hạ tầng và xã hội của quốc gia, đảm bảo bình ổn giá cả hàng hóa, đa dạng hóa nền kinh tế và bảo đảm đầu tư phát triển bền vững, cần nhắc đến các quyền và lợi ích của các thế hệ hiện tại và tương lai.

- 4.5. Các quốc gia thành viên cần sử dụng các khoản thu từ khai thác tài nguyên để tăng cường đầu tư, cải thiện nhận thức cơ bản về tài nguyên, chẳng hạn như đầu tư vào nghiên cứu địa chất cơ bản. Đầu tư theo hướng này có thể mang lại lợi ích lớn thông qua hiểu biết sâu hơn về giá trị tiềm năng của một loại tài nguyên và nâng cao khả năng trong việc đưa ra các quyết định công bằng trong việc phân chia thuế và lợi nhuận thu được từ việc khai thác tài nguyên trong tương lai.
- 4.6. Các quốc gia thành viên cần nắm bắt và tối ưu hóa các giá trị gia tăng từ việc sử dụng tài nguyên trong ngành công nghiệp khai khoáng bằng cách mở rộng đầu tư cho các ngành phụ thuộc tài nguyên khác (như nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch), bao gồm cả những ngành đem lại lợi nhuận thấp hơn và không thể tự duy trì hạ tầng thiết yếu, hay tập trung đầu tư vào các vùng kinh tế tiềm năng cao. Đồng thời, các quốc gia thành viên sẽ tạo ra giá trị gia tăng ở cấp dưới bằng cách thiết lập các ngành công nghiệp chế biến tài nguyên (làm giàu) cung cấp nguyên liệu cho sản xuất và công nghiệp; và giá trị gia tăng cấp trên trong việc phát triển ngành cung cấp/đầu vào tài nguyên (như vốn, hàng tiêu dùng, dịch vụ).
- 4.7. Các quốc gia thành viên cần thành lập hoặc chỉ định, nếu phù hợp, một cơ quan giám sát tự động và độc lập với đầy đủ quyền hợp pháp để xác định đánh giá tuân thủ các quyền khai thác khoáng sản và theo dõi doanh thu từ hoạt động khai thác. Nếu có bằng chứng của việc hạ giá thấp tài sản một cách hệ thống và sử dụng bất hợp pháp của nguồn

thu từ tài nguyên, thì hoạt động điều tra độc lập sẽ được tiến hành thông qua các buổi điều trần công khai.

- 4.8. Các quốc gia thành viên cần phân bổ nguồn thu từ công nghiệp khai khoáng để mở rộng đầu tư vào các nguồn năng lượng sạch, có khả năng tái tạo và phát triển đổi mới công nghệ nhằm giảm mức khí thải nhiên liệu hóa thạch trong khu vực.
- 4.9. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo việc phân phối công bằng, hiệu quả và chuyển nhượng từng phần trong nguồn thu từ hydrocarbon và khoáng sản, theo các hướng dẫn phù hợp hoặc quy định của quốc gia, vì lợi ích của cộng đồng địa phương và hỗ trợ mục tiêu cải thiện mức sống và sinh kế. Các quốc gia thành viên phải định kỳ rà soát, cập nhật, và cân đối các chế độ tài chính của mình nhằm phát triển và thúc đẩy hệ thống chia sẻ lợi ích công bằng.
- 4.10. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo việc phân bổ doanh thu giữa chính quyền trung ương và địa phương được phát triển dựa trên các tiêu chí tôn trọng luật pháp, minh bạch, đơn giản, và công bằng. Các quốc gia thành viên phải thiết lập, tại nơi thích hợp, một quỹ tài nguyên riêng biệt từ doanh thu của hoạt động của ngành công nghiệp khai khoáng để phân biệt với các nguồn thu khác. Điều này sẽ cho phép nguồn thu

từ tài nguyên thiên nhiên có thể được quản lý tách biệt khỏi tài khoản ngân sách nói chung, nhằm đảm bảo cơ chế chuyển giao giữa các thế hệ và để phục vụ như là một chiến lược nhằm ổn định và tiết kiệm tài chính.



**Nhóm soạn thảo** FabbyTumiwa Darmawan Triwibowo

**Biên tập** FabbyTumiwa **Thiết kế** Fruit Indonesia

[www.iesr.or.id/regionalframework](http://www.iesr.or.id/regionalframework)

<b>Nhóm Tham vấn</b>	Matthieu Salomon	Emanuel Bria	Roslita Arsyad	Diah Tantri Dwiandani	
	Cielo Magno	Ronald Allan Barnacha	Maria Aurora Teresita Tabada		
	Natacha Kim	Tricia Yeoh	Sri Murniati	Mericio Akara	Dian Lestariningsih
	Tran Thanh Thuy	Ermy Ardhyanti	Maryati Abdullah	Hendra Sinadia	Maw Htun Aung
	Chandra Kirana	Wahyuningrum	Rafendi Djamin	Maureen Harris	
	Morentalisa Hutapea	Yesi Maryam			

**Nhóm hỗ trợ** Kharina Dhewayani Nikka Sasongko Saidah

**Chuyển thể thiết kế sang tiếng Việt** Admixstudio.com

**Khung Quản trị Công nghiệp Khai thác được hỗ trợ bởi:**



### **HỘI ĐỊA CHẤT KINH TẾ**

Là tổ chức xã hội – nghề nghiệp tự nguyện, trực thuộc Tổng Hội Địa Chất Việt Nam. Hội được thành lập với mục đích tập hợp những người hoạt động trong các lĩnh vực địa chất kinh tế, thực hiện các nghiên cứu điều tra, tìm kiếm, thăm dò, chế biến, đánh giá khoáng sản và môi trường địa chất, nhằm đóng góp cho sự phát triển ngành nguyên liệu khoáng sản đạt hiệu quả kinh tế cao và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

**Địa chỉ:** Hội Địa chất Kinh tế, số 6 Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

### **LIÊN MINH KHOÁNG SẢN**

Liên minh Khoáng sản là mạng lưới gồm các tổ chức (Trung tâm Con người và Thiên nhiên, Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam, Trung tâm Phát triển và Hội nhập, Hội Địa Chất Kinh tế, Diễn đàn các Nhà báo Môi trường, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hà Giang và Hội Nông dân Hòa Bình) cùng hoạt động với mục tiêu thúc đẩy minh bạch và trách nhiệm giải trình, giảm thiểu tác động môi trường – xã hội trong lĩnh vực khai thác khoáng sản.

*Tổ chức Điều phối Liên Minh Khoáng sản*

#### **Trung tâm Con người và Thiên nhiên**

Địa chỉ: Số 24 H2 Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

ĐT: (04) 35564001; Fax: (04) 355648941

Email: [lmks@nature.org.vn](mailto:lmks@nature.org.vn)

Bản dịch được thực hiện với sự hỗ trợ của:





**VIỆN CẢI CÁCH CÁC DỊCH VỤ  
THIẾT YẾU**

Jl. Mampang Prapatan VIII,  
Komp. Bappenas No. R-13  
Jakarta, 12790, Indonesia

T: +62-21-7992945

F: +62-21-7996160

E: [iesr@iesr.or.id](mailto:iesr@iesr.or.id)

Website: [www.iesr.or.id](http://www.iesr.or.id)